

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN05 Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Như Ý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016, Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Theo Văn bản số 9232/UBND-KT ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương sử dụng mỏ đất QN05 để thi công Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Tây Trường Cao đẳng Bình Định, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 13/GP-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Như Ý;

Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh Bình Định ngày 18/4/2025 và bản nhận xét, đánh giá của các Ủy viên Hội đồng và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 324/TTr-SNNMT ngày 05/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN05 Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Như Ý thực hiện với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng là 2,0ha, có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng địa chất cấp 122 toàn bộ diện tích thăm dò là 134.285m³.

Khối lượng đất bóc là lớp đất thổ nhưỡng lẫn mùn thực vật 6.000m³ (để lại tại mỏ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường).

3. Hệ số nở ròi: 1,252.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: +60m; Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 là 134.285m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chi cục Thuế khu vực XIII; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND Phường Bùi Thị Xuân; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Như Ý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chi cục ĐC&KS miền Trung;
- Lưu: VT, K₄.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục 01

Tọa độ khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ QN05 Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	X(m)	Y (m)
1	1.516.979	598.238
2	1.517.016	598.288
3	1.517.012	598.331
4	1.516.937	598.368
5	1.516.824	598.340
6	1.516.878	598.214
Diện tích 2,0 ha		

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Trữ lượng thăm dò toàn mỏ đến cost +60m
(Trữ lượng tính đến ngày 10/3/2025)

TT	Số hiệu khối – cấp trữ lượng	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trữ lượng (m ²)	Trữ lượng đất san lấp (m ³)	Cost tính trữ lượng thấp nhất
1	NY1-122	G1	6,3	5,95	5.014	29.833	+60
		LK1	5,6				
2	NY2-122	LK1	5,6	6,97	14.986	104.452	+67
		LK2	7,7				
		LK3	7,6				
Tổng cộng đất san lấp huy động vào khai thác						134.285	
Khối lượng đất bóc là lớp nhường lẫn mùn thực vật						6.000	

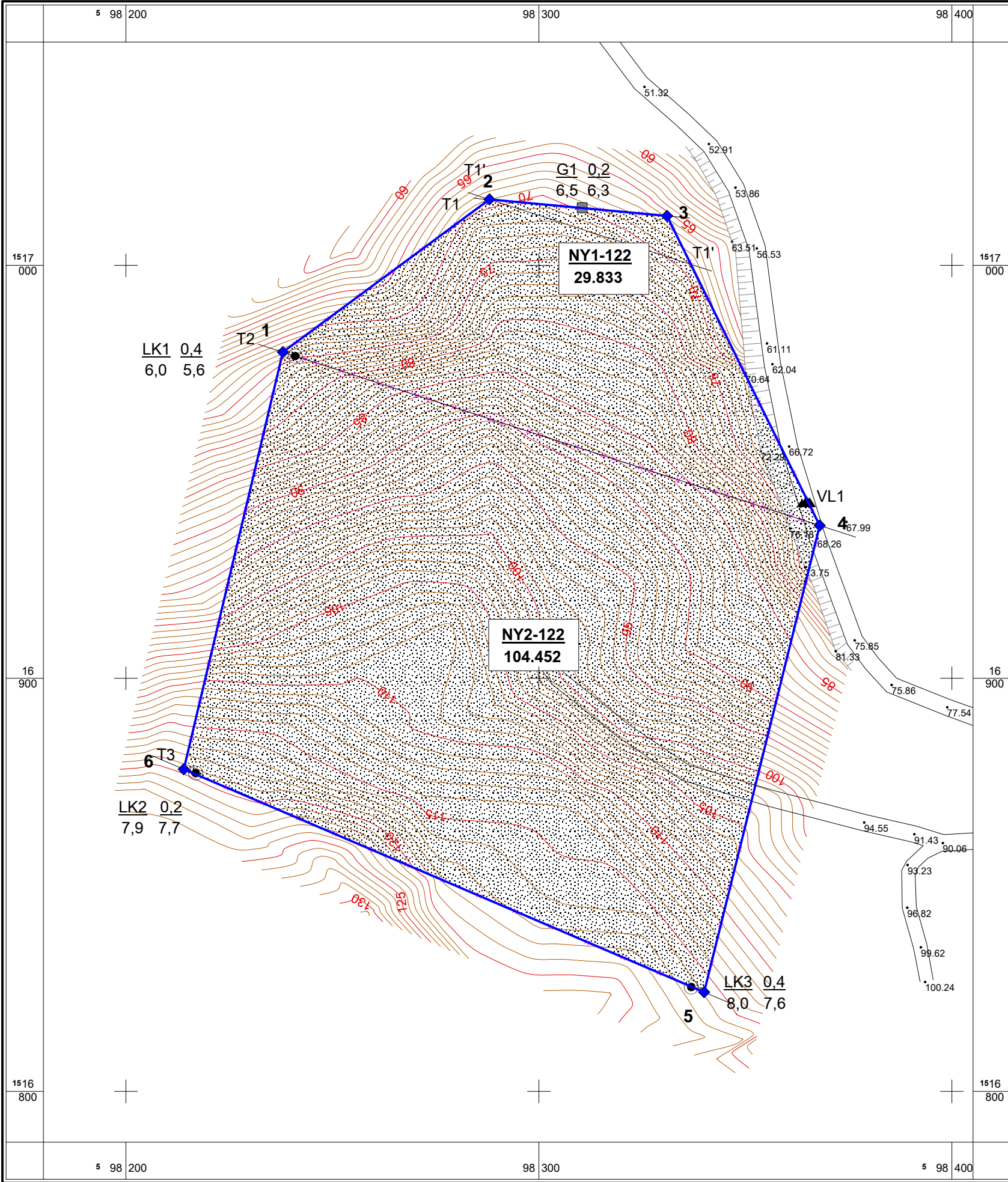
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

PHỤ LỤC

BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỪ LƯỢNG

ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI MỎ QN05 PHƯỜNG BUI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định



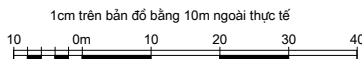
CHỈ DẪN

NY1-122 29.833	Số hiệu khối - Cấp trừ lượng Trừ lượng đất san lấp (m³)
	Khối tính trừ lượng cấp 122
T.2	Hệ thống tuyến thăm dò và số hiệu
	Lỗ khoan thăm dò <u>Số hiệu</u> Chiều dày tầng đất san lấp (m) <u>Chiều dày lớp phủ (m)</u> Chiều dày tính trừ lượng (m)
	Giếng thăm dò <u>Số hiệu</u> Chiều dày tầng đất san lấp (m) <u>Chiều dày lớp phủ (m)</u> Chiều dày tính trừ lượng (m)
	Đường đồng mức và giá trị độ cao
	Vết lộ dọn sạch và số hiệu
	Điểm góc và số hiệu
	Điểm chi tiết và giá trị độ cao
	Giao thông
	Taluy
	Diện tích thăm dò

BẢNG TÍNH TRỪ LƯỢNG ĐẤT SAN LẤP

TT	Số hiệu khối - Cấp trừ lượng	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (m)	Diện tích khối trừ lượng (m²)	Trừ lượng cấp 122 (m³)	Cost tính trừ lượng thấp nhất
1	NY1-122	G1	6,3	5,95	5.014	29.833	+60,0
		LK1	5,6				
2	NY2-122	LK1	5,6	6,97	14.986	104.452	+67,0
		LK2	7,7				
		LK3	7,6				
TỔNG					20.000	134.285	

TỶ LỆ 1:1.000



Bản đồ thành lập bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp:
Hoàn thành tháng 3 năm 2025. Hệ tọa độ Quốc gia
VN-2000 và độ cao Quốc gia Hòn Dấu
múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút.